

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HS-PT
Ngày 16 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 916/2022/TLPT-HS ngày 05/10/2022 đối với bị cáo TTH do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NHV1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo:

TTH, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Lô 14.2-08, khu đô thị phía Tây, phường T, thành phố H, tỉnh H; chỗ ở: Số 28 Nguyễn Dữ, phường C, thành phố H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N và bà H10; có chồng H20 (đã ly hôn năm 2009) và 01 con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2021 tại Trại Tạm giam B14 - Bộ Công an, đến ngày 25/7/2022 chuyển tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh H. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông NVV - Luật sư Văn phòng Luật sư Tâm Đức Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Anh NHV1, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 3, thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H2. (vắng mặt)

Trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2020, TTH và người thân trong gia đình có nhu cầu đi lao động tại Canada, thông qua mạng xã hội Facebook đã làm quen và nhờ H2, sinh năm 1993, HKTT tại thôn Đồng Hới, xã Hồng Lạc, huyện T, tỉnh H làm thủ tục xin cấp thị thực Canada để đi xuất khẩu lao động (XKLĐ). H2 là Giám đốc Công ty TNHH Giáo dục và Hợp tác quốc tế VIC HD, địa chỉ tại số 92 Lạc Long Quân, phường Hải Tân, thành phố H, tỉnh H (gọi tắt là Công ty VIC HD) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801327127, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2020; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 19/02/2021. Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty VIC HD không đăng ký ngành nghề xuất khẩu lao động. Qua trao đổi, H2 nói với H hiện đang có đơn hàng đi Canada xuất khẩu lao động, công việc là thu hoạch cà chua với chi phí 13.000USD/01người, người đi lao động chỉ phải nộp 6.500USD, số còn lại sẽ được trừ dần vào tiền lương lao động trong 01 năm tại Canada. Thủ tục hồ sơ gồm: Hộ chiếu, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khám sức khỏe, ảnh và giấy khai sinh (photo công chứng); tiền đặt cọc 500USD/01người cho H2, còn 6.000USD sẽ nộp sau khi có visa và trước khi xuất cảnh. Sau khi thỏa thuận với H2, H đồng ý và rủ người nhà gồm: anh trai là Tăng Văn Anh, chị dâu là Lương Thị Hới, cháu ruột là Vũ Thị Thanh Thảo và 04 người bạn của H làm hồ sơ xin thị thực (visa) đi Canada. Đối với người nhà thì H thông báo mức tiền phải nộp như H2 đã thông báo, còn những người bạn H thông báo chi phí tăng thêm từ 1000 - 2000USD/01người, H đã thu hồ sơ và tiền của 02 người bạn gồm: anh Trần Anh Tuấn 56.000.000đồng, anh Bùi Quốc Vịnh 127.750.000đồng (thông qua anh Vũ Văn Tuấn là bạn của H). Khi những người trên (trong đó có H) làm xong hồ sơ chuyển cho H2, H2 đã đưa H cùng người thân của H đến Trung tâm tiếp nhận thị thực Canada tại Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà Cienco 4, số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục nộp hồ sơ xin visa Canada, sau đó nhận giấy hẹn lấy visa. Khoảng 01 tuần sau, H2 thông báo là đã có visa và chụp ảnh visa gửi cho H, H gửi lại cho mọi người và thông báo chuẩn bị tiền để nộp theo thỏa thuận trước đó.

Sau khi gửi hình ảnh visa cho những người trên, H2 đã đề nghị H tìm thêm người có nhu cầu lao động tại Canada để giới thiệu cho H2, với mỗi trường hợp khách hàng tìm kiếm được, H2 sẽ trả cho H từ 1000USD - 2000USD là tiền hoa hồng. Quá trình trao đổi, để tạo niềm tin cho H, H2 trực tiếp cho H xem vé máy bay, hộ chiếu của các cá nhân mà theo H2 giới thiệu là những người đã xuất khẩu lao động Canada thành công qua Công ty VIC HD (*trên các hộ chiếu này có dán visa Canada và đóng dấu nhập cảnh Canada*). Bên cạnh đó, H được H2 giới thiệu H2 có người chị họ con bác ruột tên là “Hồng An” hiện đang định cư tại Canada có khả năng lo được các thủ tục cho H và những người sang lao động tại Canada.

H2, H và “Hồng An” đã lập nhóm riêng trên facebook có tên “Tập đoàn Canada”. Qua trao đổi, “Hồng An” giới thiệu với H có bố chồng làm trong Cục Di trú Canada nên việc xin visa Canada dễ dàng hơn; đồng thời, những người sang Canada lao động sẽ làm việc trong nông trại của gia đình “Hồng An” nên không cần học ngoại ngữ và không phải lo lắng về thủ tục cư trú. Do vậy, H đã tin tưởng và đồng ý tìm kiếm người lao động theo đề nghị của H2. H2 bàn bạc thống nhất với H khi tìm được người lao động, H sẽ đứng ra ký hợp đồng với danh nghĩa Trưởng phòng tuyển dụng Công ty VIC HD (*vì H đã từng đi lao động ở nước ngoài và lần này H cũng trực tiếp đi nên nhiều người sẽ tin tưởng đi hơn*). Mặc dù không tìm hiểu Công ty VIC HD có chức năng đưa người đi lao động ở nước ngoài hay không và H cũng không phải là nhân viên của Công ty VIC HD, không được bổ nhiệm làm Trưởng phòng của Công ty nhưng H vẫn trực tiếp ký Hợp đồng tư vấn với người lao động với tư cách là Trưởng phòng tuyển dụng của Công ty VIC HD, đóng dấu Công ty VIC HD. Tùy từng trường hợp, người lao động ký Hợp đồng tư vấn tại thời điểm làm hồ sơ xuất khẩu lao động hoặc tại thời điểm nộp hồ sơ xin visa, lăn tay, chụp ảnh hoặc sau khi đã có visa Canada. Trong Hợp đồng tư vấn do H ký với người lao động có nêu: “... 1.3. Bên B là đơn vị trung gian tuyển dụng lao động cho các tổ chức tại Canada. Vì vậy, bên B hướng dẫn cho bên A chuẩn bị và hoàn tất các thủ tục cần thiết và liên hệ với nơi làm việc và xin visa cho Bên A. Bên B giới thiệu công việc làm thêm hợp pháp và thu nhập ổn định...”. Hợp đồng này do TTH cùng H2 soạn thảo, thống nhất để tìm kiếm, lôi kéo những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Canada với chi phí từ 13.000 - 15.000USD/người. Trên cơ sở đó, H tự tìm kiếm và thỏa thuận mức chi phí với người lao động. Trong quá trình điều tra, TTH thừa nhận đã từng đi XKLD tại Hàn Quốc từ năm 2010 - 2014, H biết khi đi XKLD phải làm thủ tục, hồ sơ qua Sở Lao động thương binh và xã hội rất chặt chẽ, có Hợp đồng lao động với Công ty ở nước ngoài, mặc dù biết Công ty của H2 làm thủ tục XKLD không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (không hợp pháp) nhưng do tin tưởng H2 và “Hồng An” đưa được người đi lao động ở nước ngoài như thông tin đã nêu trên nên vẫn làm hồ sơ cho bản thân, người nhà và những người lao động khác cùng đi.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2021, TTH đã tìm kiếm trực tiếp thu tiền, hồ sơ của 24 người và thông qua 08 người là đầu mối trung gian thu tiền, hồ sơ của 34 người để làm thủ tục XKLD Canada. H đã thỏa thuận với người lao động và các đối tượng trung gian về chi phí XKLD: Nếu thanh toán tiền trước khi xuất cảnh thì chi phí từ 16.000 - 17.000USD/01người (*nộp tiền ngay sau khi có visa Canada*), nếu chọn phương án thanh toán tiền sau khi xuất cảnh thì chi phí từ 21.000 - 22.000USD/01người (*tức phải trả thêm 5.000USD/01người*), người lao

động phải đặt cọc trước một số tiền và khi nhập cảnh Canada thành công sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại. Người đi lao động nộp tiền thành 03 đợt gồm: Đợt 1 nộp tiền đặt cọc số tiền tương đương 500USD để làm hồ sơ XKLD; Đợt 2 nộp 1.000USD sau khi lăn tay, chụp ảnh, nộp hồ sơ xin visa; Đợt 3 nộp toàn bộ chi phí còn lại sau khi có visa Canada. Người lao động được hưởng thu nhập là 14 CAD/01 giờ (*tiền Canada*); thời hạn XKLD là 02 năm và có thể được gia hạn thêm 02 năm. Về hồ sơ đăng ký XKLD mà người lao động phải nộp bao gồm: Hộ chiếu, Chứng minh thư nhân dân (*bản photo*), sơ yếu lý lịch, lý lịch tư pháp, Giấy khám sức khỏe. Như vậy, theo thỏa thuận với H2 nếu những người XKLD thành công thì H sẽ được hưởng lợi số tiền từ 58.000USD đến 116.000USD tương đương 1.363.000.000đồng đến 2.726.000.000đồng, cụ thể là:

TTH đã trực tiếp thu tiền và hồ sơ của 24 người, gồm: ⁽¹⁾Đoàn Văn Tiệp 36.600.000đồng; ⁽²⁾Đinh Hữu Hà 25.000.000đồng; ⁽³⁾Bùi Hồng Sơn 386.100.000đồng; ⁽⁴⁾Phạm Đức Anh Kiên 200.200.000đồng; ⁽⁵⁾Vũ Thị Thịnh 88.400.000đồng; ⁽⁶⁾Đỗ Danh Dũng 434.700.000đồng; ⁽⁷⁾Hoàng Văn Toàn (SN 1988) 83.800.000đồng; ⁽⁸⁾Hoàng Văn Toàn (SN 2001) 426.600.000đồng; ⁽⁹⁾Bùi Trọng Trình 427.600.000đồng; ⁽¹⁰⁾Dương Văn Sơn 40.200.000đồng; ⁽¹¹⁾Nguyễn Cảnh Hải 40.175.000đồng; ⁽¹²⁾Nguyễn Văn Thìn 24.000.000đồng; ⁽¹³⁾Nguyễn Đình Xuân 16.900.000đồng; ⁽¹⁴⁾Nguyễn Văn Thái 131.000.000đồng; ⁽¹⁵⁾Nguyễn Quang Vinh 401.260.000đồng; ⁽¹⁶⁾Nguyễn Văn Vốn 24.000.000đồng; ⁽¹⁷⁾Nguyễn Tiến Anh 24.000.000đồng; ⁽¹⁸⁾Lê Thị Dung 24.000.000đồng; ⁽¹⁹⁾NHV1 163.740.000đồng; ⁽²⁰⁾Bàng Xuân Bắc 460.000.000đồng; ⁽²¹⁾Vũ Viết Trọng 200.000.000đồng; ⁽²²⁾Vũ Văn Đạt 189.950.000đồng; ⁽²³⁾Nghiêm Thị Lâm 90.000.000đồng và ⁽²⁴⁾Trần Anh Tuấn 56.000.000đồng. Ngoài ra, H còn trực tiếp thu số tiền 100.000.000đồng của Dương Văn Tiến và số tiền 426.000.000đồng của Lê Thị Linh (là người do Mão giới thiệu); thu hồ sơ của 8 người: ⁽¹⁾Lê Văn Khương; ⁽²⁾Nguyễn Huy Cường; ⁽³⁾Phạm Ngọc Thạch; ⁽⁴⁾Lương Sơn Thanh; ⁽⁵⁾Trần Văn Phú; ⁽⁶⁾Tăng Văn Anh; ⁽⁷⁾Lương Thị Hới; ⁽⁸⁾Vũ Thị Thanh Thảo để làm thủ tục nhưng chưa thu tiền. Đối với anh Lê Văn Khương khai đã đưa cho H 24 triệu đồng tiền mặt, anh Nguyễn Huy Cường khai đã đưa cho H 36 triệu đồng tiền mặt, nhưng không có giấy biên nhận, không có tài liệu chứng minh, H không thừa nhận nên không có căn cứ kết luận. Tổng số tiền H đã trực tiếp thu của những người trên là 4.520.225.000 đồng (*Bốn tỷ năm trăm hai mươi triệu hai trăm hai lăm nghìn đồng*). Sau khi nhận hồ sơ và tiền của chị Nghiêm Thị Lâm, chị Lâm đã yêu cầu H trả lại số tiền 90.000.000đồng nên H đã trả lại số tiền này cho chị Lâm. Như vậy, số tiền còn lại 4.330.225.000đồng H chưa trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Ngoài ra, H còn thu của 34 người thông qua 08 người là đầu mối trung gian, cụ thể là:

1. Nguyễn Thị Mão, sinh năm 1975; trú tại: xóm Thống Nhất, xã K, huyện N, tỉnh N (đối với 15 người): Khoảng tháng 01/2021, Nguyễn Thị Mão, được một

người đàn ông tên Thành (không rõ địa chỉ) đến nhà chơi, cho Mão số điện thoại và giới thiệu TTH là người có khả năng làm được thủ tục đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài. Sau đó, Mão đã gọi điện làm quen với H, tìm hiểu và được H giới thiệu về thủ tục XKLD Canada với thu nhập 40.000.000 - 50.000.000đồng/tháng, công việc là trồng nấm và đóng gói hải sản, chi phí 18.000USD/01người, thời hạn xuất khẩu lao động là 02 năm và có thể được gia hạn thêm, về thủ tục hồ sơ và các thông tin khác như có người nhà làm việc bên Cục di trú Canada, làm cho đối tác người Việt Nam nên không cần học ngoại ngữ *(theo những thông tin do H2 trao đổi với H ở trên)*. Do vậy, trong thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 3/2021, Nguyễn Thị Mão đã liên hệ, nhận hồ sơ và thu tiền của 15 người có nhu cầu đi XKLD tại Canada. Mão thỏa thuận với người lao động chi phí làm thủ tục XKLD tại Canada từ 19.000- 22.000 USD/người. Theo hướng dẫn của H, Mão thông báo cho người lao động làm hồ sơ, đi khám sức khỏe, vào thành phố Hồ Chí Minh gặp H để làm thủ tục xin cấp visa Canada, đồng thời người lao động ký Hợp đồng tư vấn với H, trong đó 08 người đã nộp hồ sơ và tiền trực tiếp cho Mão gồm: ⁽¹⁾Dương Văn Tiến 25.000.000đồng; ⁽²⁾Nguyễn Ngọc Hoàng 460.000.000đồng; ⁽³⁾Võ Thế Phương 445.000.000đồng; ⁽⁴⁾Nguyễn Văn Thắng 398.300.000đồng; ⁽⁵⁾Nguyễn Văn Hoàng 441.550.000đồng; ⁽⁶⁾Nguyễn Văn Trường 441.550.000đồng; ⁽⁷⁾Đình Trọng Sơn 62.000.000đồng; ⁽⁸⁾Lê Thị Linh 29.500.000đồng. Tổng cộng chị Mão thu số tiền 2.302.900.000đồng *(Hai tỷ ba trăm linh hai triệu chín trăm ngàn đồng)*.

Nguyễn Thị Mão còn nhờ Nguyễn Thị Thoan, sinh năm 1978, trú tại: Thôn Bến Hàu, xã T, huyện Đ, tỉnh H *(là bạn trước đây cùng đi XKLD)* tìm kiếm 07 người có nhu cầu đi XKLD Canada thu hồ sơ và tiền chuyển cho Mão. Thoan thỏa thuận với người lao động chi phí XKLD Canada từ 23.000-24.000USD/01người. Người lao động được Thoan hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, tiền để nộp cho Thoan và thông báo thời gian để mọi người vào thành phố Hồ Chí Minh gặp H hướng dẫn đi làm thủ tục chụp ảnh, lấy dấu vân tay xin cấp visa Canada, đồng thời ký Hợp đồng tư vấn dịch vụ với người lao động để làm các thủ tục XKLD Canada. Theo đó, 07 người này đã nộp chi phí đi XKLD Canada cho Thoan gồm: ⁽¹⁾Nghiêm Quang Trung 575.700.000đồng; ⁽²⁾Nguyễn Trường Giang 447.600.000đồng; ⁽³⁾Nguyễn Huy Hiệu 575.700.000đồng, ⁽⁴⁾Thái Ngọc Tú 575.700.000đồng; ⁽⁵⁾Nghiêm Thị Thanh Thủy 575.700.000đồng; ⁽⁶⁾Nguyễn Việt Hoàn 593.300.000đồng; ⁽⁷⁾ Nguyễn Lợi 575.700.000đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Thoan đã thu của 07 người là 3.919.400.000đồng, Thoan đã chuyển cho Mão số tiền 3.494.000.000đồng, giữ lại 425.400.000đồng để hưởng chênh lệch. Tuy nhiên, sau khi những người lao động không đi XKLD được, Thoan đã trả lại cho 07 người tổng số tiền 1.963.300.000đồng. Trong đó 665.000.000đồng Thoan nhận lại từ Mão và 1.298.300.000đồng Thoan dùng tiền của cá nhân để chi trả lại cho khách *(lớn hơn số tiền 425.400.000đồng mà Thoan giữ lại)*.

Nguyễn Thị Mão đã thu tiền của 15 người tổng số tiền: 5.796.900.000đồng và chuyển cho TTH số tiền 3.963.700.000đồng, Mão giữ lại số tiền 1.761.700.000đồng, chuyển cho anh Thành số tiền 71.500.000đồng (*là tiền đặt cọc XKLD cho anh Nguyễn Ngọc Hoàng*). Anh Thành đã chuyển cho TTH số tiền 55.000.000đồng, giữ lại số tiền 16.500.000đồng. Đối với số tiền 1.761.700.000đồng mà Mão giữ lại chưa chuyển cho H trong đó gồm: 1.269.300.000đồng của Nguyễn Trường Giang (447.600.000đồng), Nguyễn Ngọc Hoàng (388.500.000đồng) và Võ Thế Phương (433.200.000đồng), theo thỏa thuận, Mão sẽ chuyển cho H sau khi những người này xuất cảnh được sang Canada. Số tiền 492.400.000đồng còn lại là số tiền Mão hưởng chênh lệch khi giới thiệu người đi XKLD lao động thành công; trong đó, Mão khai đã sử dụng khoảng 65.000.000đồng để chi phí thực tế mua vé máy bay khứ hồi Vinh - Thành phố Hồ Chí Minh, thuê phòng nghỉ, ăn uống cho người lao động trong quá trình làm thủ tục XKLD Canada (không có chứng từ, hóa đơn).

Sau khi việc xuất khẩu lao động Canada không thực hiện được, H đã trả lại Mão số tiền 460.000.000đồng, số tiền còn lại 3.503.700.000đồng Mão chuyển cho H và số tiền 55.000.000đồng anh Thành chuyển cho H, H chưa trả lại cho Mão và anh Thành. Mão đã trả lại cho Dương Văn Tiến, Nguyễn Trường Giang, Nguyễn Ngọc Hoàng, Võ Thế Phương, Lê Thị Linh, Nghiêm Quang Trung, Nghiêm Thị Thanh Thủy, Nguyễn Huy Hiệu, Thái Ngọc Tú, Nghiêm Lợi, Nguyễn Viết Hoàn tổng số tiền là 1.614.500.000đồng (*trong đó có 665.000.000 đồng Mão chuyển cho chị Thoan để trả lại cho những người do chị Thoan giới thiệu*); đối với 03 người Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Trường, Mão thu 1.281.400.000đồng và đã chuyển hết số tiền này cho H, nhưng khi những người này không xuất khẩu lao động được, Mão đã sử dụng tiền của cá nhân để trả cho 03 người này 600.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Mão đã trả lại cho 15 người là 2.214.500.000đồng.

2. *Trịnh Văn Hưng, sinh năm 1973; trú tại Căn 12A04 Tòa HHB, khu đô thị Tân Tây Đô, xã T, huyện Đ, thành phố H (đối với 03 người)*: Thông qua người quen tên Thành ở H (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) giới thiệu, Trịnh Văn Hưng biết TTH là người có khả năng làm được các thủ tục XKLD Canada nên đã liên hệ với H và được H cho biết có đơn hàng XKLD Canada thu hoạch hoa quả và chế biến hải sản với mức thu nhập từ 3.000 - 4.000CAD/tháng; chi phí XKLD từ 18.000 - 20.000 USD/người, H đề nghị Hưng giới thiệu người đi lao động. Qua đó, Trịnh Văn Hưng đã trực tiếp liên hệ nhận hồ sơ và thu tiền của 02 người gồm: ⁽¹⁾Nguyễn Văn Đại số tiền 136.000.000đồng, ⁽²⁾Đậu Văn Hiền số tiền 496.000.000đồng và thông qua Trần Thị Cúc Mai giới thiệu 01 người là ⁽³⁾Trần Văn Thắng số tiền 426.600.000đồng. Trịnh Văn Hưng đã thu hồ sơ và số tiền của 03 người là 1.058.600.000đồng và chuyển cho H 769.000.000đồng; Hưng giữ lại số tiền chênh lệch 289.600.000đồng. Khi H thông báo có visa, anh Hưng đề nghị

cho xem và nghi ngờ visa là giả nên yêu cầu H trả lại tiền cho người lao động và H đã trả lại 568.800.000đồng cho anh Hưng để trả lại cho người lao động, H giữ lại 200.200.000đồng. Đến nay, Hưng đã trả lại cho 03 người tổng số tiền 851.000.000đồng. Còn lại 207.600.000đồng Hưng chưa trả. Như vậy, thông qua Trịnh Văn Hưng, H đã thu của 03 người số tiền 769.000.000đồng. Sau đó H đã trả lại cho Hưng 568.800.000đồng, còn lại số tiền là 200.200.000đồng. Đến nay H chưa trả cho anh Hưng số tiền này.

3. *Trần Thị Cúc Mai, sinh năm 1985; trú tại: xóm Nam Kê Gai, xã H, huyện H, tỉnh N (đối với 05 người):* Khoảng tháng 02/2021, Trần Thị Cúc Mai, được Trịnh Văn Hưng (là người quen từ trước) gọi điện, trao đổi nhờ Mai giới thiệu người có nhu cầu XKLD Canada cho Hưng. Theo thông tin có được từ TTH, Hưng trao đổi với Mai có đơn hàng XKLD Canada đã có sẵn, cần tìm 03 lao động, chủ lao động là người Việt Nam nên không cần học ngoại ngữ; thời hạn lao động là 02 năm và có thể được gia hạn thêm; thu nhập 14CAD/giờ; chi phí XKLD khoảng 19.000USD/01người. Trên cơ sở những thông tin mà anh Hưng cung cấp, chị Mai đã giới thiệu cho anh Hưng: ⁽¹⁾Trần Văn Thắng. Mai đã thỏa thuận với Thắng chi phí XKLD Canada từ 26.000 - 28.000USD và thực tế đã nhận của Trần Văn Thắng số tiền 624.000.000đồng. Mai chuyển cho Hưng 426.600.000đồng (tương đương 18.000USD) và giữ lại 197.400.000đồng. Sau đó, Mai gọi điện cho TTH (số điện thoại do Thắng cung cấp) để hỏi lịch xuất cảnh của Thắng thì được H giới thiệu H có người nhà bên Canada và đã đưa được nhiều lao động sang Canada. Đồng thời, H trao đổi với Mai hiện còn một số suất lao động sang Canada làm đóng gói thủy sản đông lạnh với chi phí 18.000USD và đề nghị Mai giới thiệu người lao động. Theo đó, Mai đã trực tiếp liên hệ, giới thiệu thêm cho TTH 02 người gồm: ⁽²⁾Ngô Văn Kiên, ⁽³⁾Nguyễn Thị Lan Anh và thông qua Phan Duy Luân (ở H) giới thiệu 02 người gồm: ⁽⁴⁾Võ Tá Hiệp và ⁽⁵⁾Ngô Đức Hạng. Trần Thị Cúc Mai đã thỏa thuận với những người trên chi phí XKLD Canada từ 26.000 - 28.000USD/người.

Mai đã thu của 05 người tổng số tiền 3.189.240.000đồng, trong đó Mai chuyển cho H 1.771.200.000đồng và chuyển cho Hưng 426.600.000đồng; Mai giữ lại 991.440.000đồng. Sau khi người lao động không đi XKLD được, Mai đã trả lại toàn bộ số tiền giữ lại cho 05 người là 1.016.920.000 đồng (Nguyễn Thị Lan Anh 220.000.000đồng; Ngô Văn Kiên 220.000.000đồng; Trần Văn Thắng 199.000.000đồng; thông qua Phan Duy Luân trả lại cho Võ Tá Hiệp và Ngô Đức Hạng 377.920.000đồng).

Phan Duy Luân đã nhận của 02 người trên số tiền 1.342.720.000đồng và chuyển cho Mai 1.248.240.000đồng, giữ lại 94.480.000đồng tiền chênh lệch. Tuy nhiên, sau đó không đi XKLD được, Luân đã nhận lại từ Mai 377.920.000đồng và trả lại cho Võ Tá Hiệp và Ngô Đức Hạng tổng số tiền 472.400.000đồng (trong đó

377.920.000đồng tiền chênh do Mai chuyển và 94.480.000đồng tiền chênh Luân giữ lại).

Như vậy, thông qua Trần Thị Cúc Mai, H đã nhận hồ sơ và thu tiền của 05 người với số tiền là 1.771.200.000đồng, đến nay H chưa trả lại cho Mai.

4. *NHV1, sinh năm 1989; trú tại: xóm 3, xã Đ, huyện P, tỉnh H2 (đối với 06 người)*: TTH sau khi trực tiếp nhận hồ sơ và thu tiền để làm thủ tục XKLD cho NHV1, H trao đổi với Hùng nếu tìm được người có nhu cầu XKLD Canada thì giới thiệu cho H. Trên cơ sở những thông tin do H cung cấp, Hùng nhờ người thân ở N giới thiệu bạn bè, hàng xóm tìm người có nhu cầu XKLD Canada thì liên hệ với Hùng để Hùng thông báo cho H, Hùng trao đổi với người lao động chi phí làm thủ tục XKLD là 19.000USD/01người nếu nộp tiền trước, nếu sau khi sang Cannada mới nộp hết thì tăng thêm 5.000USD/người. Qua đó, Hùng đã giới thiệu 06 người cho H, người lao động đã trực tiếp nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Hùng, cụ thể: ⁽¹⁾Phạm Văn Chắt 484.000.000đồng; ⁽²⁾Phạm Đình Lưu 538.600.000đồng; ⁽³⁾NVT 464.600.000đồng; ⁽⁴⁾Hồ Diên Cảnh 467.200.000đồng; ⁽⁵⁾Hồ Viết Hùng 460.370.000đồng và ⁽⁶⁾Phạm Đình Bách 485.200.000đồng. Tổng số tiền mà NHV1 đã thu của 6 người là 2.899.970.000đồng, Hùng khai đã chuyển toàn bộ số tiền này cho H, tuy nhiên, kết quả điều tra chỉ có căn cứ xác định H đã nhận của NHV1 2.546.370.000đồng thông qua chuyển khoản, còn số tiền 353.600.000đồng Hùng khai giao tiền mặt cho H nhưng không có Giấy biên nhận, không có tài liệu chứng minh, H không thừa nhận nên không có cơ sở để kết luận.

Như vậy, thông qua NHV1, TTH đã thu hồ sơ và tiền của 06 người tổng số tiền 2.546.370.000đồng. Đến nay H chưa trả số tiền này cho anh H1.

5. *Lê Xuân Hậu, sinh năm 1987; trú tại thành phố H, tỉnh H (đối với 03 người)*: Anh Hậu làm việc tại Công ty New World AOD có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học số 298/CN-SGDĐT ngày 19/3/2018 do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H cấp. Lê Xuân Hậu đã quen biết TTH từ trước, trong thời gian cùng H đi lao động tại Hàn Quốc. Khoảng tháng 02/2021, H có trao đổi với anh Hậu về việc có đơn hàng đi XKLD Canada làm các công việc như trồng nấm, đóng gói hải sản với chi phí khoảng từ 16000USD - 17.000USD/1người; thu nhập của lao động từ 3.000 - 4.000 CAD/tháng; thời hạn XKLD là 04 năm. Chi phí XKLD được nộp thành 03 đợt. Do biết anh Hậu hoạt động trong lĩnh vực tư vấn du học và trước đó gia đình Nguyễn Thị Vân Anh đã từng nhờ Hậu làm thủ tục cho người nhà đi du học thành công nên gia đình của Nguyễn Thị Vân Anh, Triệu Đình Vũ, Nguyễn Văn Tuấn Anh (đều cùng quê với Hậu ở huyện Cẩm Giàng, tỉnh H) đã gặp gỡ, trao đổi và được Hậu thông báo về việc XKLD tại Canada trên cơ sở những thông tin mà H cung cấp với chi phí 19.500USD/01người. Khoảng tháng 3/2021, gia đình Nguyễn Thị Vân Anh, Triệu Đình Vũ, Nguyễn Văn Tuấn Anh đều có văn bản thỏa thuận về việc ủy quyền cho Hậu thực hiện thủ tục xin cấp visa

Canada. Hậu đã nhận của 03 người 1.462.000.000đồng, gồm: ⁽¹⁾Nguyễn Thị Vân Anh 520.000.000 đồng; ⁽²⁾ Triệu Đình Vũ 446.000.000đồng; ⁽³⁾Nguyễn Văn Tuấn Anh 496.000.000 đồng. Hậu chuyển cho TTH số tiền 814.700.000đồng, giữ lại số tiền 647.300.000đồng. Sau đó, Hậu yêu cầu H trả lại tiền với lý do thay đổi hình thức thanh toán từ trả trước khi xuất cảnh sang trả sau khi người lao động nhập cảnh Canada thành công nên H đã trả lại cho Hậu 645.000.000đồng, H giữ lại 169.700.000đồng là tiền đặt cọc của người lao động. Đến ngày 17/5/2021, khi các cá nhân trên thông báo không xuất cảnh được thì từ ngày 17/5/2021 đến ngày 25/5/2021, Lê Xuân Hậu đã hoàn trả toàn bộ số tiền 1.462.000.000đồng (*trong đó tự bỏ tiền cá nhân của mình 169.700.000 đồng*) trả cho những người trên theo văn bản thỏa thuận đã ký.

Như vậy, thông qua anh Lê Xuân Hậu, TTH đã thu hồ sơ và tiền của 03 người là 169.700.000đồng, đến nay chưa trả cho anh Hậu.

6. Nguyễn Mạnh Tú, sinh năm 1984; trú tại: Phòng 302 M22, tập thể Mai Hương, phường B, quận H, thành phố H (đối với 01 người): Khoảng đầu năm 2021, Nguyễn Mạnh Tú được TTH gọi điện thoại trao đổi, giới thiệu hiện có đơn hàng XKLD tại Canada với mức thu nhập 14 CAD/tháng với chi phí 17.000USD; thời hạn XKLD là 04 năm. Người lao động có thể lựa chọn hai hình thức thanh toán là trả trước toàn bộ 17.000USD ngay khi có visa Canada hoặc trả 22.000USD sau khi nhập cảnh Canada. Dựa trên những thông tin mà H cung cấp, Tú đã thông báo lại cho Nguyễn Thị Ngoan để giới thiệu người có nhu cầu XKLD Canada với chi phí từ 24.000 - 25.000USD/người. Trên cơ sở thông tin mà Tú đưa ra, Nguyễn Thị Ngoan đã giới thiệu 01 người là Ngô Văn Toàn cho Tú. Nguyễn Mạnh Tú trao đổi với Ngoan thu của người lao động 25.000USD/người và thực tế đã thỏa thuận và thu của Ngô Văn Toàn 25.000USD. Tuy nhiên, Tú chỉ thỏa thuận với TTH chi phí 22.000 USD/người. Sau đó, Ngoan đã chuyển hồ sơ cùng số tiền 569.000.000đồng (*tương đương 25.000USD*) chi phí XKLD đã thu của Toàn. Nhưng thực tế Tú mới chuyển cho H 79.000.000đồng (*chi phí đặt cọc*) giữ lại 490.000.000đồng với lý do khi Toàn nhập cảnh vào Canada thành công, Tú mới chuyển hết số tiền tương đương 17.000USD và chuyển thêm 5.000USD (*chi phí trả thêm*). Tuy nhiên, do việc XKLD Canada không thực hiện được, Ngoan đã nhận lại tiền từ Tú và trả lại toàn bộ số tiền 569.000.000đồng cho Ngô Văn Toàn.

Như vậy, Tú đã thu của Ngô Văn Toàn tổng số tiền 569.000.000đồng, Tú đã chuyển cho H số tiền 79.000.000đồng. Đến nay, Tú đã trả lại cho anh Toàn toàn bộ số tiền là 569.000.000đồng (*trong đó có 79.000.000đồng đã chuyển cho H*). H chưa trả lại Tú số tiền trên.

7. Bàn Xuân Bắc, sinh năm 1981; trú tại: Khu 2, thị trấn C, huyện V, tỉnh Q (đối với 01 người): Khoảng tháng 3/2021, qua trao đổi, Dư Văn Thắng ở xã Đông

Xá, huyện V, tỉnh Q biết Bằng Xuân Bắc chuẩn bị sang định cư tại Canada cùng với TTH nên Thắng nhờ Bắc hỏi H về thủ tục XKLD Canada. Bắc hỏi H và được H trao đổi về công việc khi XKLD tại Canada là đóng gói hải sản, thu nhập khoảng 100.000.000đồng/tháng; chi phí khoảng 18.000USD/người. Bắc nói lại với Thắng và được Thắng đồng ý nên đã chuyển 400.000.000đồng cho Bắc để nhờ Bắc chuyển cho H làm thủ tục XKLD Canada. Sau khi nhận tiền, Bắc đã chuyển cho H toàn bộ số tiền 400.000.000đồng. Tuy nhiên, việc XKLD không thành công, đến nay H chưa trả số tiền trên cho Bắc.

8. *Vũ Văn Tuấn, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Vũ, xã L, huyện T, tỉnh H (đối với 01 người)*: Khoảng tháng 7/2020, Vũ Văn Tuấn được TTH trao đổi H hiện đang là Trưởng phòng Công ty TNHH Giáo dục và Hợp tác quốc tế VIC HD, Công ty này đang tìm kiếm khách hàng đi xuất khẩu lao động tại Canada, H có đăng thông tin lên mạng xã hội và nhờ Tuấn tìm kiếm khách hàng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Canada. H hứa hẹn đối với mỗi trường hợp đi xuất khẩu lao động được giới thiệu, H sẽ chi phí hoa hồng cho Tuấn 1000USD. Thời hạn xuất khẩu lao động là 02 năm, mức thu nhập khoảng 14đô Canada/1giờ, ngày làm việc 08 tiếng và tăng ca 4 tiếng, lương tháng từ 60 - 100 triệu đồng. Chi phí để khách hàng đi xuất khẩu lao động là 17.500USD, trong đó khách hàng phải đóng trước 11.000USD, số tiền 6.500USD còn lại lao động sẽ phải trả dần sau khi có thu nhập.

Bên cạnh đó, khoảng tháng 12/2020, thông qua anh NHV1, trú tại tỉnh H2 (*là bạn của anh Tuấn*) giới thiệu anh Bùi Quốc Vịnh ở P, H2 là người có nhu cầu đi Canada. Anh Tuấn đã trao đổi những nội dung H đã trao đổi về chi phí và thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Canada, anh Vịnh đồng ý đi. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 02/2021, anh Tuấn đã thu tiền của anh Vịnh 3 lần với tổng số tiền 257.800.000đồng. Anh Tuấn khai đã chuyển cho H số tiền 227.750.000đồng, giữ lại số tiền 30.050.000 đồng là tiền hoa hồng. Tuy nhiên, kết quả điều tra chỉ có căn cứ xác định H đã nhận của anh Tuấn số tiền 127.750.000 đồng thông qua chuyển khoản, còn số tiền 100.000.000 đồng anh Tuấn khai đưa tiền mặt cho H, không có Giấy biên nhận, không có tài liệu chứng minh, H không thừa nhận nên không có cơ sở để kết luận. Tuy nhiên, việc xuất khẩu lao động không thành công, đến nay H chưa trả số tiền 127.750.000 đồng cho anh Tuấn.

Tổng cộng TTH đã thu hồ sơ để làm thủ tục XKLD Canada của 34 người thông qua 08 đầu mối trung gian với số tiền là 10.471.720.000đồng (*mười tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Như vậy, số tiền TTH trực tiếp thu tiền của 24 người để làm thủ tục đi XKLD là: 4.520.225.000đồng; thông qua 08 đầu mối trung gian nhận hồ sơ và tiền của 34 người là 10.526.720.000đồng. Tổng cộng là 15.046.945.000đồng (*Mười*

năm tỷ không trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, còn một số người khai đã chuyển tiền mặt cho TTH nhưng không có Giấy biên nhận, không người chứng kiến, H không thừa nhận nên không đủ căn cứ kết luận. Sau khi nhận hồ sơ và tiền đặt cọc của người lao động, theo hướng dẫn của H2, TTH trực tiếp đón khách tại thành phố Hồ Chí Minh và đưa đến Tầng 9, tòa nhà Cienco 4, số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (H giới thiệu là Trung tâm tiếp nhận hồ sơ xin thị thực của Lãnh sự quán Canada tại thành phố Hồ Chí Minh) để làm thủ tục xin cấp visa và lấy dấu vân tay, chụp ảnh. Sau đó, theo yêu cầu của H2, H đề nghị mọi người chuyển lại cho H “Giấy biên nhận nộp hồ sơ” cùng hộ chiếu để H chuyển lại cho H2 và hẹn sau khoảng 02 tuần sẽ có visa Canada cho người lao động.

Sau khi thu tiền của người lao động, TTH đã chuyển số tiền 13.283.145.000đồng và hồ sơ cho H2 (*bằng hình thức chuyển khoản*) để H2 làm thủ tục xin visa sang Canada, còn lại số tiền 1.763.800.000đồng H đã trả lại cho các bị hại và các đầu mối trung gian. Tiến hành kiểm tra, đối chiếu sao kê tài khoản ngân hàng của TTH (*tài khoản số 0341001921079 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh H và tài khoản số 19028029402011 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Chi nhánh H*) với tài khoản ngân hàng của H2 (*tài khoản số 0341000665520 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh H*), thể hiện TTH đã chuyển cho H2 số tiền 13.451.800.000đồng.

Trong thời gian từ ngày 07/5/2021 đến ngày 12/5/2021, H2 đã chuyển cho H 59 cuốn hộ chiếu, trong các cuốn hộ chiếu đã dán visa Canada. Do tin tưởng visa trên hộ chiếu là thật nên ngày 15/5/2021, TTH và 55 người tập trung tại khách sạn Đức H2 2 (*thôn Điện Xá, xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn, thành phố H*) để chuẩn bị đến ngày 18/5/2021 xuất cảnh sang Canada thì bị Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an (A08) phối hợp với Công an thành phố H kiểm tra phát hiện. Qua kiểm tra, cơ quan chức năng phát hiện trong hành lý của H có 59 hộ chiếu đã dán visa nhập cảnh vào Canada nghi là visa giả. Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã tiến hành xác minh. Ngày 20/5/2021, Tổng Lãnh sự quán Canada tại thành phố Hồ Chí Minh có Công hàm số 038; 039 xác nhận 59 visa Canada trên không được cấp bởi Lãnh sự quán Canada và kết quả kiểm tra thị thực ngày 15/5/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an kết luận “*Thị thực kiểm tra là thị thực giả được thực hiện bằng phương pháp in màu*”.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ được một số nội dung tin nhắn thông qua dữ liệu điện tử, nội dung tin nhắn thể hiện H không biết mình bị lừa, H vẫn tin tưởng và mong muốn người lao động đi lao động được tại Canada như lời của H2 nói. Quá trình điều tra, TTH khai nhận về hành vi như nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án

nhân dân tỉnh H đã căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349, Điều 15, Điều 38, Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 357, Điều 579 của Bộ luật Dân sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo TTH phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

2. Xử phạt bị cáo TTH 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự, xử:

- Buộc bị cáo TTH phải có nghĩa vụ hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 13.258.145.000đồng. Danh sách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và số tiền hoàn trả cụ thể cho từng người được kê chi tiết theo STT từ 01 đến 76 theo Bảng Danh sách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và số tiền hoàn trả kèm theo Bản án này.

- Chấp nhận việc anh Đinh Hữu Hà tự nguyện không yêu cầu bị cáo TTH phải hoàn trả số tiền là 25.000.000đồng.

- Buộc chị Nguyễn Thị Mão phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thoan số tiền 872.900.000đồng, anh Đinh Trọng Sơn số tiền 27.000.000đồng.

- Buộc anh Trịnh Văn Hưng phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Trần Thị Cúc Mai số tiền 1.600.000 đồng, anh Trần Văn Thắng số tiền 5.800.000đồng.

- Buộc anh NHV1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh NVT số tiền là 353.600.000đồng.

- Buộc anh Vũ Văn Tuấn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Bùi Quốc Vịnh số tiền là 73.050.000đồng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Mão, anh Nguyễn Ngọc Hoàng được chị Nguyễn Thị Mão hoàn trả cho số tiền 15.000.000đồng (*hoàn trả thay anh Thành*).

- Đối với số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) bị cáo TTH đã nộp vào ngày 04/7/2022 và ngày 02/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H theo biên lai số AA/2021/0000767 và AA/2021/0000773, Cục Thi hành án dân sự tỉnh H tiếp tục quản lý và sẽ giải quyết, bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và

thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/8/2022, bị cáo TTH có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Ngày 08/9/2022, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh NHV1 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án buộc bị cáo TTH có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Thế số tiền 353.600.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo TTH giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NHV1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo TTH. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H để giảm cho bị cáo tù từ 21 đến 24 tháng tù. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh NHV1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H về phần trách nhiệm dân sự đối với kháng cáo của anh NHV1.

Luật sư bào chữa khẳng định việc truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm đối với bị cáo H về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu; tại cấp sơ thẩm bị cáo đã tác động nhờ gia đình nộp số tiền 200.000.000đồng; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục tác động nhờ gia đình nộp thêm số tiền 50.000.000đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H để tiếp tục khắc phục hậu quả tội phạm; bị cáo có bố đẻ là người tham gia kháng chiến có công với đất nước; bản thân bị cáo là người tích cực tham gia các phong trào thiện nguyện và đóng góp tích cực vào quỹ phòng chống Covid19; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Áp dụng quy định tại Điều 15; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo được hưởng mức án từ 8 đến 9 năm tù, tạo điều kiện cho bị cáo sớm có cơ hội trở lại hòa nhập với cộng đồng xã hội và gia đình làm người lương thiện. Riêng đối với kháng cáo của anh NHV1 kháng cáo về số tiền 353.600.000đồng, Luật sư cho rằng tổng số tiền Hùng thu của 06 khách hàng gần 2.900 triệu đồng, đã chuyển khoản cho H 2.546 triệu đồng, còn riêng số tiền 353,6 triệu đồng lại không chuyển khoản mà giao tiền mặt cho H, không có giấy tờ, không có căn cứ gì chứng minh là quá vô lý, bị cáo không thừa nhận (đã đối chất) nên Bản án sơ thẩm quyết định buộc anh NHV1 phải chịu trách nhiệm dân sự đối với số tiền này là hoàn toàn đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh NHV1.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư, không bổ sung gì thêm chỉ xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có KH2 nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đơn kháng cáo của bị cáo TTH; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NHV1 gửi trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, anh NHV1 đã được thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo TTH thấy:

[2.1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Trong thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2021, bị cáo TTH được H2 là Giám đốc Công ty VIC HD bàn bạc để tìm kiếm người đi lao động tại Canada trái phép. Mặc dù biết Công ty VIC HD không có chức năng đưa người đi lao động tại nước ngoài và bị cáo cũng không phải là nhân viên của Công ty, nhưng do tin tưởng H2 nói sẽ đưa được người đi lao động tại Canada và tin tưởng vào người có tên “Hồng An” nói có bố chồng làm trong Cục Di trú Canada nên bị cáo nghĩ việc xin visa dễ dàng hơn, những người sang Canada lao động sẽ làm việc trong nông trại của gia đình “Hồng An” nên không cần học ngoại ngữ và không phải lo lắng về thủ tục cư trú, bị cáo TTH (được H2 giao phong) với tư cách là Trưởng phòng tuyển dụng của Công ty VIC HD trực tiếp ký Hợp đồng tư vấn dịch vụ với những người có nhu cầu đi lao động tại Canada. Bị cáo H đã trực tiếp nhận tiền, hồ sơ của 24 người và thông qua 08 người là đầu mối trung gian nhận tiền, hồ sơ của 34 người. Tổng số tiền bị cáo TTH đã nhận của 58 người là 15.046.945.000đồng, sau khi nhận bị cáo đã chuyển cho H2 tổng số tiền 13.283.145.000đồng để làm thủ tục xin cấp visa, đưa người đi lao động tại Canada, nhưng bị cáo cùng một số người thân và những người khác chưa đi được thì bị phát hiện bắt giữ. Sau khi bị bắt, bị cáo đã trả lại cho những người có quyền lợi liên quan và các đầu mối trung gian số tiền là 1.763.800.000đồng. Quá trình điều tra xác định số visa trên là giả.

Bị cáo TTH là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức đưa người khác trốn đi nước ngoài trái phép là vi phạm pháp luật. Vì bản thân bị cáo đã từng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, nên bị cáo biết rõ nếu đi xuất khẩu lao động theo hình thức cá nhân thì phải đăng ký tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cư trú. Bên cạnh đó bị cáo cũng nhận thức được việc H2 lo thủ tục cho bị cáo cùng người nhà và khách hàng do bị cáo tìm kiếm để xuất cảnh sang Canada là không đúng quy định, nhưng do vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện việc đưa người khác sang nước ngoài lao động trái phép. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo TTH đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật Hình sự.

[2.2]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo TTH: Bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động nhờ gia đình nộp số tiền 200.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H để khắc phục hậu quả tội phạm; bản thân bị cáo tích cực tham gia các phong trào thiện nguyện và ủng hộ quỹ phòng chống Covid-19 tại địa phương, có bố để tham gia kháng chiến được xác định là người có công với đất nước. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo lại tiếp tục tác động đến gia đình tự nguyện nộp thêm số tiền 50 triệu đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H, thể hiện rõ việc bị cáo mong muốn sớm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại nhiều địa phương. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này. Việc Tòa án nhân dân tỉnh H đã xét xử bị cáo TTH về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cũng cần xét đến việc bị cáo là người có nhân thân tốt và trong thực tế bị cáo chưa đưa được những người lao động xuất cảnh khỏi nước Việt Nam, nên bị cáo được áp dụng quy định về phạm tội chưa đạt theo Điều 15 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật

Hình sự. Bên cạnh đó, tại cấp phúc thẩm, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo lời bào chữa của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù, nhằm thể hiện tính nhân đạo, sự độ lượng khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh NHV1 thấy:

Đối với số tiền 464.600.000đồng thu của anh NVT, anh H1 khai đã chuyển cho bị cáo H số tiền 111.000.000đồng thông qua hình thức chuyển khoản, số tiền mặt còn lại 353.600.000đồng đưa cho bị cáo H, không có Giấy biên nhận, không có tài liệu chứng minh, bị cáo H không thừa nhận. Đến nay không có tài liệu nào mới để chứng minh anh H1 đã đưa số tiền trên cho bị cáo và bị cáo cũng không thừa nhận đã nhận số tiền này. Do vậy chỉ có căn cứ xác định bị cáo H đã chiếm đoạt số tiền 111.000.000đồng của anh Thế, nên bị cáo H phải có trách nhiệm trả lại cho anh Thế số tiền này. Đối với số tiền 353.600.000đồng, anh H1 không chứng minh được đã chuyển cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H vẫn không thừa nhận số tiền này nên anh H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Thế số tiền 353.600.000đồng theo lời bào chữa của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh NHV1.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh NHV1 không được chấp nhận, nên anh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo TTH. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; Điều 15; Điều 38; Điều 48; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo TTH phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép”.

Xử phạt bị cáo TTH 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/5/2021.

[2]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của anh NHV1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H về phần trách nhiệm dân sự đối với kháng cáo của anh NHV1.

Áp dụng các Điều 357 và 579 của Bộ luật Dân sự: Buộc anh NHV1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh NVT số tiền là 353.600.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Đối với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) gia đình bị cáo TTH đã nộp (sau khi xét xử sơ thẩm) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H theo biên lai số AA/2021/0000827 ngày 29/11/2022. Cục Thi hành án dân sự tỉnh H tiếp tục quản lý số tiền này và sẽ giải quyết, hoàn trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở giai đoạn thi hành án.

[4]. Về án phí: Bị cáo TTH không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Anh NHV1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0001377 ngày 15/9/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- TTG - CA tỉnh H;
- Bị cáo (qua trại);
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, HCTP.

Trần Quang Minh